

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 17/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z694C0181

Mã KQ/ RP. No: 001001808.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY TNHH CLEOPATRA FOODS
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Tầng 7, Tòa nhà Việt Á, Số 9, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 11/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 11/03/2025 - 17/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : **BỘT CHẢ ĐẬU GÀ (NCP)**
MARI'S FALAFEL DOUGH
LN/SN: WH/MO/00889
NSX: 07/03/2025
QTY: 400gr
Bảo quản: Đông lạnh ở nhiệt độ -15°C
HSD: 12 Tháng từ NSX
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong túi nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Aflatoxin B ₁ (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
2	Aflatoxin (tổng B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*) ^(s) / Aflatoxin (sum of B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*) (^(s))	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
3	Ochratoxin A (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.3	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN-2009)
4	Zearalenone (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	5	TS-KT-SK-42:2018 (Ref. BS EN 15792:2009)
5	Deoxynivalenol (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	21	TS-KT-SK-45:2018 (Ref. AOAC 986.17)
6	Asen (As) (*) ^(s) / Arsenic (As) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
7	Chì (Pb) (*) ^(s) / Lead (Pb) (*) ^(s)	0.012	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
8	Cadimi (Cd) (*) ^(s) / Cadmium (Cd) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
9	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
10	Năng lượng (*)/ Calories (*)	151	kcal/100g	-	TS-KT-HCB-507
11	Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*)	26.3	%	-	TS-KT-HCB-004:2020
12	Béo tổng (*)/ Total fat (*)	1.37	%	-	TS-KT-HCB-002:2020

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 17/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z694C0181

Mã KQ/ RP. No: 001001808.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Đạm tổng (*)/ Total protein (*)	8.42	%	-	TS-KT-HCB-001:2020
14	Natri (Na) (*) ^(s) / Sodium (Na) (*) ^(s)	3183	mg/kg	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
15	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	1.6x10 ⁵	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
16	Coliforms (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
17	<i>Escherichia coli</i> (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
18	<i>Bacillus cereus</i> giả định (*)/ Presumptive <i>Bacillus cereus</i> (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)
19	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	< 10	CFU/g	-	AOAC 975.55
20	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
21	Tổng số nấm men nấm mốc (*)/ Yeasts and Moulds (*)	< 10	CFU/g	-	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (^s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (^s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04